

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 217/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26-12-2024

V/v tranh chấp “Ly hôn,
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Thanh;

- Ông Nguyễn Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 538/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Mỹ T, sinh năm 1973; cư trú tại: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Đặng Thanh H, sinh năm 1971; cư trú tại: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Huỳnh Thị Mỹ T trình bày:

Chị và anh Đặng Thanh H tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, thông qua người làm mai, không có thời gian quen nhau, tìm hiểu. Hai bên tổ chức đám cưới năm 1996 và sống cùng nhau từ đó nhưng không đăng ký kết hôn ngay. Đến khi anh H có nhu cầu lập thủ tục chuyển nhượng đất đai thì chị và anh H mới tiến hành đăng ký kết hôn ngày 25-01-2019 tại Ủy ban nhân dân xã B (Nay là thị trấn B). Từ khi cưới nhau về, vợ chồng sống không thật sự hạnh phúc do anh H không quan tâm đến chị, vì có con chung nên chị cố gắng chịu đựng để

chăm lo. Một thời gian sau, chị không nhớ rõ thời điểm, khi chị bị tai nạn xe nằm bệnh viện nhưng anh H cũng không quan tâm nên chị về nhà cha mẹ ruột ở ấp C, xã T sống, vợ chồng ly thân 08 năm. Năm 2019, chị cất nhà riêng trên đất cha mẹ chị cho để ở riêng cùng 02 con. Đến khoảng năm 2020, hai con của chị có kêu nên anh H về chung sống cùng chị nhưng anh H cũng không lo lắng gì cho chị và các con; anh H đi làm thuê chỉ để lo cho bản thân anh H, vợ chồng sống cùng nhau nhưng không ai nói chuyện với ai. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không thể đoàn tụ được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 02 con là Đặng Thành T1, sinh năm 1997 và Đặng Gia T2, sinh năm 2003 đã thành niên nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù anh Đặng Thanh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Đặng Thanh H và chị Huỳnh Thị Mỹ T tranh chấp về ly hôn; anh H cư trú tại ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Nguyên đơn, chị Huỳnh Thị Mỹ T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn, anh Đặng Thanh H không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh H, chị T.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa anh Đặng Thanh H và chị Huỳnh Thị Mỹ T là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã B (Nay là thị trấn B), huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 25-01-2019. Theo chị T, chị và anh H tiến đến hôn nhân thông qua người làm mai mà không có thời gian tìm hiểu. Hai bên tổ chức đám cưới và về chung sống từ năm 1996 nhưng đến năm 2019 mới tiến hành đăng ký kết hôn để anh H thực hiện việc chuyển nhượng đất. Từ khi về chung sống vào năm 1996, theo chị T thì vợ chồng sống với nhau nhưng không thật sự hạnh phúc do anh H không quan tâm đến chị, chị phải cố

gắng chịu đựng để chăm lo cho con. Khi chị T bị tai nạn xe nằm bệnh viện, anh H cũng không quan tâm nên chị T về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng sống ly thân 08 năm. Đến năm 2019, chị T cất nhà ở riêng trên đất của cha mẹ ruột chị cho, sang năm 2020 thì hai con có kêu nên anh H về chung sống với chị. Tuy nhiên, từ khi trở về sống cùng nhau, anh H cũng không lo lắng gì cho chị T và cho các con, anh H đi làm cũng chỉ để lo cho bản thân anh H, vợ chồng sống cùng nhau nhưng không ai nói chuyện với ai. Mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn do chị T nêu, nhưng anh H không có ý kiến gì phản đối là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Anh H cũng không đến Tòa để hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều đó cho thấy anh H đã không còn quan tâm đến hôn nhân với chị T. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”* và *“vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”*. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa anh H và chị T đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ.

[4] Về con chung: Theo chị T trình bày, chị và anh H có hai con là Đặng Thành T1, sinh năm 1997 và Đặng Gia T2, sinh năm 2003. Hiện hai con đã thành niên nên chị T không yêu cầu giải quyết là phù hợp, Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh H, chị T đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết sau bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị Huỳnh Thị Mỹ T là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Mỹ T.

- Về hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị Mỹ T được ly hôn với anh Đặng Thanh H.

- Về án phí: Chị Huỳnh Thị Mỹ T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002550 ngày 30-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như đã thi hành xong.

- Về quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị Mỹ T, anh Đặng Thanh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực